

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32 /2019/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 681/TTr-STNMT ngày 11/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 110/2010/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh; Cục thuế, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, LĐVP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Thành

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc: thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản; môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, biển, đảo, nhằm phục vụ cho công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội đối với biển, đảo (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; với tổ chức, cá nhân trong việc thu thập; quản lý, khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong danh mục bí mật nhà nước các mức độ theo quy định không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên môi trường

Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ; tổ chức có hệ thống các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý; phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng lâu dài, hiệu quả, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực.

3. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng.

4. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.

5. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thu nhận, tạo lập và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đúng quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho cơ quan nhà nước để đảm bảo việc quản lý, khai thác, sử dụng thống nhất trong toàn tỉnh, phục vụ lợi ích chung của xã hội.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Nguyên tắc lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

a) Bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Bảo đảm dữ liệu được thu thập chính xác, đầy đủ, có hệ thống;

c) Lồng ghép với các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ;

d) Bảo đảm thực hiện hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực;

đ) Thời gian lập, phê duyệt phải bảo đảm việc giao dự toán kinh phí và triển khai thực hiện theo quy định.

2. Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Căn cứ pháp lý dùng để lập kế hoạch;

b) Mục đích, yêu cầu thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

c) Danh sách thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường, khối lượng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cần thu thập;

c) Nội dung công việc thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

d) Sản phẩm thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

- d) Kế hoạch, nguồn nhân lực thực hiện;
- e) Tổ chức thực hiện;
- g) Dự toán kinh phí.

3. Gửi kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm đã phê duyệt về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

Điều 6. Hình thức thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Giao nộp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thu nhận, tạo lập hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động mà theo quy định của pháp luật phải giao nộp các thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Thu thập, cập nhật thông tin, mô tả về thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Thu thập, cập nhật thông tin, mô tả về thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý.

3. Tiếp nhận thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường được các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng phục vụ lợi ích chung.

Điều 7. Quy trình tiếp nhận, thu thập, cập nhật thông tin, mô tả và xây dựng danh mục thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư số 32/2018/TT-BNTMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương III

TỔ CHỨC BẢO QUẢN, LƯU TRỮ, TU BỔ, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Tổ chức bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập phải được: phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo vệ phù hợp, bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ của thông tin, dữ liệu, tài liệu nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng.

3. Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm quản lý lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh.

4. Các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý được giao nhiệm vụ xây dựng, vận hành, sử dụng thông tin, dữ liệu các cơ sở dữ liệu thành phần tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu cho Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh.

5. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường điện tử phải định hướng bảo quản, lưu trữ dựa trên hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh.

Điều 9. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh là tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh được xây dựng phù hợp với khung kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường, được tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh nhằm phục vụ xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành đô thị thông minh; đồng thời, phải phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

3. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

4. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

5. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 10. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

a) Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được định kỳ ba tháng một lần sao chép và lưu trữ theo quy định.

b) Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất sáu tháng một lần. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan.

c) Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD), băng từ hoặc các hình thức khác theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật.

d) Định kỳ ba tháng một lần phải kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

5. Đối với cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường điện tử khi được bảo quản, lưu trữ trên hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh phải thực hiện theo quy trình sao lưu dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin của Trung tâm dữ liệu.

Điều 11. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng (Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ).

3. Tuân thủ theo Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

4. Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

Điều 12. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường được công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và cổng thông tin điện tử thành phần của Sở Tài nguyên và Môi trường nhằm phục vụ cho cộng đồng và

yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 13. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại các Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu.

3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng đồng thời thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

6. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

Chương IV

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 15. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên về môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan; giữa cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường với các hệ thống cơ sở dữ liệu khác dựa trên nguyên tắc:

1. Kết nối; chia sẻ; sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

Điều 16. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin, dữ liệu thời gian thực được thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc theo quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thuộc diện phải lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc truyền kết quả quan trắc môi trường tự động, liên tục trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời, có trách nhiệm tự bảo quản, bảo dưỡng, duy trì và vận hành thiết bị để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu môi trường được quan trắc và truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

- Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do Tỉnh quản lý với các Bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THU THẬP, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 17. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; chỉ đạo thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

3. Tổ chức công bố danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, cung cấp và sử dụng theo quy định.

Điều 18. Sở Tài nguyên và Môi trường

Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh và có trách nhiệm:

1. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin, mô tả về thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và cổng thông tin điện tử thành phần của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức, định hướng chuyển đổi, lưu trữ các hệ thống thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường điện tử tập trung, thống nhất tại Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh.

6. Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai của Sở Tài nguyên và Môi trường.

7. Chỉ đạo Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc: điều tra, thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; tham mưu xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và các Bộ, ngành.

8. Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

9. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thực hiện điều tra, thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu về đất đai trong phạm vi quản lý, lưu trữ thông tin theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chỉ đạo các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đang quản lý, lưu trữ.

Điều 19. Các Sở, Ban, Ngành

1. Sở Tài Chính

Hàng năm, căn cứ kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và dự toán kinh phí do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, Sở Tài chính tổng hợp dự toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Hỗ trợ, hướng dẫn việc xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phù hợp với kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Ninh, kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn đồng bộ, tương thích, truy cập, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin; thực hiện kết nối, chia sẻ và cung cấp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường vào kho dữ liệu tập chung của tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chuyển đổi, lưu trữ, bảo quản thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường điện tử tại Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh.

3. Các Sở, Ban, Ngành khác

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực phụ trách; cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường) bộ danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách theo quy định.

Điều 20. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm.

2. Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý thông tin dữ liệu trên địa bàn mà mình đang lưu trữ, quản lý, sử dụng; cung cấp thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường).

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn mình quản lý cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường) hàng năm theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 21. Các tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) và các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải giao nộp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của nhà nước) trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Các thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với các nội dung công việc, nhiệm vụ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường được tiếp tục thực hiện theo thời hạn đã xác định của nội dung, nhiệm vụ, sau thời hạn đó tuân thủ theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu, cơ quan quản lý xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 23. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh do ngân sách tỉnh đảm bảo. Hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thành